TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 213/2025/HNGĐ-ST Ngày: 09/12/2025 V/v Ly hôn, nuôi con chung giữa chị D, anh Q	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đê;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Mai Thị Hòe – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 90/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc " Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2025/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị D, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm Q Nam, xã Hải Q, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Vũ Trọng Q, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm Q Nam, xã Hải Q, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Vũ Thanh S, sinh năm: 1952; địa chỉ: Xóm Q Nam, xã Hải Q, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17 tháng 06 năm 2025 và quá trình tố tụng tại Toà án chị Vũ Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị D và anh Vũ Trọng Q kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Hải Q, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (nay là xã Hải Q, tỉnh Ninh Bình) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/11/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh Q đến năm 2010 thì xây nhà ra ra ở riêng. Trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q không tu trí làm kinh tế nợ lần nhiều nên đã

phải bán toàn bộ tài sản trả nợ. Từ tháng 11 năm 2024 đến nay, chị và anh Q đã sống ly thân. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị D làm đơn xin được ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị và anh Vũ Trọng Q có 02 con chung là Vũ Thị Hải Y, sinh năm 2000 và Vũ Thị Kim N, sinh ngày 18/11/2014. Hiện nay, cháu Y đã trưởng thành, lao động tự lập được nên không yêu cầu giải quyết. Còn cháu Vũ Thị Kim Ngân hiện đang ở cùng chị D. Khi ly hôn nguyện vọng của chị D xin được nuôi dưỡng cháu Ngân và yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị và anh Q không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Vũ Trọng Q. Anh Q đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật nhưng đến nay, anh Q vắng mặt không có lý do và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ Thị D.

Tại biên bản lấy lời khai khai ngày 11/11/2025 người làm chứng ông Vũ Thanh S trình bày: Ông là bố đẻ của anh Vũ Trọng Q; chị Vũ Thị D là con dâu của ông. Hiện nay, anh Q đang làm kinh tế ở trên Hà Nội, hàng tháng anh Q về nhà ông một đến hai lần. Sau khi kết hôn anh Q, chị D sống tại gia đình ông sau đó xây nhà và chuyển ra ở riêng được thời gian thì chị D đi làm kinh tế ở nước ngoài. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng anh Q chị D ở riêng nên ông không nắm được. Nay chị D làm đơn xin ly hôn anh Q, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, anh Q, chị D có 02 con chung như chị D trình bày. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản không có. Do già yếu nên ông xin được vắng mặt và đồng ý nhận các văn bản tố tụng thay cho anh Q và cam kết giao lại cho anh Q.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Ninh Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phám và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt không có lý do nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị D và anh Vũ Trọng Q. Về con chung, giao cháu Ngân cho chị D nuôi dưỡng, anh Q phải cấp dưỡng nuôi con cho chị D.

Chị Vũ Thị D và anh Vũ Trọng Q phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Vũ Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Vũ Trọng Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Người làm chứng ông Vũ Thanh S có ý kiến xin được vắng mặt. Căn cứ khoản Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Q, chị D, ông S là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị D và anh Vũ Trọng Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải Q, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (nay là xã Hải Q, tỉnh Ninh Bình) đăng ký kết hôn ngày 09/11/1999. Sau khi kết hôn trong cuộc sống vợ chồng anh Q, chị D đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến ly thân. Nay chị D yêu cầu xin được ly hôn, nhưng anh Q không có ý kiến.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị D thì thấy: Sau khi kết hôn, trong cuộc sống vợ chồng do kinh tế khó khăn, cộng thêm tính tình không hợp quan điểm lối sống khác nhau nên phát sinh mâu thuẫn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị D và anh Vũ Trọng Q có 02 con chung là Vũ Thị Hải Yến, sinh năm 2000 và Vũ Thị Kim Ngân, sinh ngày 18/11/2014. Hiện nay, cháu Yến đã trưởng thành, tự lập nên chị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Còn cháu Vũ Thị Kim Ngân đang do chị D nuôi dưỡng. Khi ly hôn nguyện vọng của chị D xin được nuôi dưỡng cháu Ngân và yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị D, mỗi tháng 1.000.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Q, nhưng anh Q không có ý kiến.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi dưỡng con chung thì thấy: Chị Vũ Thị D có nghề nghiệp và thu nhập, hiện nay cháu Ngân đang do chị D nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Ngân cũng có lời khai xin được ở với chị D; anh Q không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung cần tiếp tục giao cháu Ngân cho chị D nuôi dưỡng và buộc anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chị D mỗi tháng 1.000.000đ, như đề nghị của chị D là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Vũ Thị D xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh Vũ Trọng Q không tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến về tài sản chung cũng như về nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng nên không có căn cứ xem xét giải quyết. Nếu sau này anh Q có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp về tài sản, nghĩa vụ về tài sản trong thời kỳ hôn nhân với chị Vũ Thị D thì Tòa án sẽ thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị D phải nộp án phí ly hôn; anh Vũ Trọng Q phải nộp án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị D và anh Vũ Trọng Q.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Thị Kim N, sinh ngày 18/11/2014, cho chị Vũ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu Ngân thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Vũ Trọng Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị D, mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), kể từ tháng 12/2025. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

Nghĩa vụ bàn giao: Do cháu Vũ Thị Kim N đang do chị D nuôi dưỡng nên 02 bên không phải thực hiện nghĩa vụ bàn giao con chung cho nhau.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Vũ Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001187 ngày 03/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Vũ Trọng Q phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 11 + Tỉnh;
- THA dân sự tỉnh;
- UBND xã Hải Q;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Đính